

Số: /KH-UBND

Vinh Thuận, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 xã Vinh Thuận

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 tỉnh An Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Vinh Thuận ban hành Kế hoạch Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng trên 10,2% năm 2026. Đổi mới mạnh mẽ, dứt khoát, toàn diện trong quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Tập trung tối đa nguồn lực để đầu tư, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Phát triển kinh tế gắn liền với an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, trật tự xã hội.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Căn cứ mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2026 của xã Vinh Thuận và trên cơ sở GDP năm 2025 do Thống kê cơ sở Vĩnh Phong công bố, đồng thời rà soát tiềm năng tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực kinh tế trong năm 2026, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kịch bản tăng trưởng 10,20% năm 2026 như sau:

1. Mục tiêu Quý I/2026: Tăng trưởng GDP đạt 5,74%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,20%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 0,74%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 1,80%.

2. Mục tiêu Quý II/2026: Tăng trưởng GDP đạt 4,10%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,40%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 0,60%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 1,10%.

Lũy kế 6 tháng đầu năm: Tăng trưởng GDP đạt 4,92%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,80%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 0,67%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 1,45%.

3. Mục tiêu Quý III/2026: Tăng trưởng GDP đạt 3,40%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,20%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 0,60%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 0,60%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm: Tăng trưởng GDP đạt 8,32%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5,00%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 1,27%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 2,05%.

4. Mục tiêu Quý IV/2026: Tăng trưởng GDP đạt 1,88%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 0,61%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 0,57%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 0,70%.

Lũy kế cả năm 2026: Tăng trưởng GDP đạt 10,2%. Trong đó: Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5,61%; Lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng đạt 1,84%; Lĩnh vực thương mại Dịch vụ đạt 2,75%.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các phòng, ban, ngành xã và các ấp căn cứ Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp, với thời gian và lộ trình, nguồn lực cụ thể để đạt kết quả cao nhất kịch bản tăng trưởng năm 2026 với phương châm ***“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá”*** và tinh thần ***“06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”***. Trong đó, các cơ quan, đơn vị tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp duy trì tăng trưởng các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn xã và Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”. Phát triển giống cây trồng, vật nuôi, xây dựng thương hiệu nông sản đặc sản, triển khai có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”. Tiếp tục phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực của xã. Phân đấu tổng sản lượng lúa năm 2026 đạt 53.892 tấn; tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt 90%.

Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ cấp mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (đặc biệt là xuất khẩu lúa chất lượng cao). Phân đấu tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2026 đạt 10.000 tấn; trong đó, sản lượng tôm nuôi đạt 4.700 triệu tấn.

Quan tâm theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản để có những biện pháp ứng phó, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong công tác phòng, trị nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng, các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự,... đặc biệt triển khai quyết liệt công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn. Tăng cường truy quét tấn công, trấn áp các loại tội phạm trên địa bàn xã đảm bảo an ninh chính trị, ổn định trật tự xã hội.

Tăng cường Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030.

b) Lĩnh vực xây dựng

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý xây dựng, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng không phép, trái phép. Tăng cường đẩy mạnh đầu tư các công trình đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng trên địa bàn xã đảm bảo vận nông, thủy sản, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

c) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Phối hợp triển khai có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn xã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động thương mại, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới, không dùng tiền mặt. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2026 đạt 1.168 tỷ đồng (trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa 507 tỷ đồng; Dịch vụ ăn uống 532 tỷ đồng, các dịch vụ khác 129 tỷ đồng). Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp thu mua tiêu thụ hàng hóa nông, thủy sản.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh; cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư

Tiếp tục triển khai quyết liệt, có hiệu quả Kế hoạch số 09-KH/ĐU, ngày 22/9/2025 của Đảng ủy về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh; triển khai hiệu quả cơ chế “một cửa liên thông” và chuyển đổi số toàn diện trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

Tập trung tối đa nguồn lực để hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch xã Vĩnh Thuận giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch xã, lập các danh mục dự án cụ thể, đủ điều kiện pháp lý kêu gọi đầu tư, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển để lập thủ tục đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong năm 2026.

Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư vào xã Vĩnh

Thuận, mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ....

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các dự án đầu tư, đẩy nhanh thực hiện các dự án đúng tiến độ.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tăng thu ngân sách và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thu, chi ngân sách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành ngân sách, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên chi đầu tư phát triển, quan trọng, cấp bách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Tham mưu, đề xuất, điều hành có hiệu quả dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, đảm bảo hoàn thành dự toán Hội đồng nhân dân xã giao.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về tài sản công, nhất là đất đai, trụ sở.

Phân đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đạt 100% kế hoạch. Từng phòng, ban, ngành xã phải có kế hoạch, giải pháp giải ngân đạt mục tiêu 100% kế hoạch. Nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu, chịu trách nhiệm đối với trường hợp không đảm bảo hoàn thành việc giải ngân vốn theo tiến độ đã đề ra.

Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Thường xuyên rà soát điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, phù hợp với thực tế, đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác triển khai

Thủ trưởng phòng, ban, ngành xã và Trưởng ấp các ấp nêu cao tinh thần, trách nhiệm chủ động, sáng tạo với tinh thần quyết tâm cao, hành động quyết liệt, chú trọng công tác phối hợp, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu theo kịch bản đã đề ra; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cập nhật báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các phòng, ban, ngành xã xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của đơn vị mình cụ thể và đầy đủ; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các ấp để triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo từng quý của năm.

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo kịch bản tăng trưởng năm 2026; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả tổ chức thực hiện; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết. Phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong đánh giá kết quả thực hiện

kịch bản tăng trưởng năm 2026.

2. Chế độ báo cáo

a) Đối với các tháng 02, 4, 5, 7,8,10,11:

- Báo cáo ước kết quả thực hiện của tháng: Các phòng, ban, ngành gửi về Phòng Kinh tế **chậm nhất ngày 14 của tháng**. Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân xã báo cáo Sở Tài chính tỉnh theo yêu cầu.

- Báo cáo chính thức kết quả thực hiện của tháng: các phòng, ban, ngành xã gửi về Phòng Kinh tế **chậm nhất ngày 24 của tháng**.

b) Đối với các báo cáo quý, 6 tháng và 9 tháng:

- Các phòng, ban, ngành xã báo cáo ước kết quả thực hiện gửi về Phòng Kinh tế tổng hợp **chậm nhất đến ngày 12/3/2026** (báo cáo quý I), ngày **12/6/2026** (báo cáo quý II và 6 tháng), ngày **12/9/2026** (báo cáo quý III và 9 tháng), ngày **18/12/2026** (báo cáo quý IV).

- Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã sẽ ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể. Giao Phòng Kinh tế chủ động theo dõi, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

c) Đối với báo cáo năm 2026

Căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của Sở Tài chính; giao Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành văn bản hướng dẫn các phòng, ban, ngành xã tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu từng phòng, ban, ngành xã căn cứ vào Kế hoạch Kịch bản tăng trưởng này, xây dựng kế hoạch chi tiết, chủ động đề ra các giải pháp tích cực, khả thi, hiệu quả; tận dụng tốt thời cơ, chủ động vượt qua mọi thách thức để đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2026 của xã Vĩnh Thuận./.

Nơi nhận:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thúy, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CVNC;
- Các phòng, ban, ngành xã
- Trưởng ấp các ấp
- Lưu: VT, PKT, ltkien.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Ngọc Nguyên

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Năm 2026								Đơn vị chủ trì
				Kế hoạch năm 2026	Mục tiêu Quý I	Mục tiêu Quý II	Mục tiêu 6 tháng đầu năm	Mục tiêu Quý III	Mục tiêu 9 Tháng	Mục tiêu Quý IV	Mục tiêu cả năm	
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ											
1	Cân đối ngân sách nhà nước											
1.1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	6.658	7.117	1.779	1.423	3.203	1.423	4.626	2.491	7.117	Phòng Kinh tế; Thuế cơ sở 6
	Trong đó:											
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	6.658	7.117	1.779	1.423	3.203	1.423	4.626	2.491	7.117	
	- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng										
1.2	Tổng Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	155.359	160.884	44.471	32.936	77.406	32.936	110.342	49.024	159.366	
	Trong đó:											
	- Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	3.194	15.178	0.759	3.795	4.553	3.795	8.348	5.312	13.660	
	- Chi thường xuyên	Tỷ đồng	152.165	145.706	43.712	29.141	72.853	29.141	101.994	43.712	145.706	
3	Phát triển doanh nghiệp											
3.1	Số doanh nghiệp đang hoạt động (lũy kế đến kỳ báo cáo)	Doanh nghiệp	27	27	27	27	27	27	27	27	27	Phòng Kinh tế; phối hợp Phòng doanh nghiệp - hợp tác đầu tư Sở Tài chính
	<i>Tổng vốn đăng ký hoạt động</i>	<i>Tỷ đồng</i>										
3.2	Số doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn	Doanh nghiệp										
	<i>Tổng vốn đăng ký doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn</i>	<i>Tỷ đồng</i>										
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	420.000	455.658	99.915	113.915	213.830	127,123	127,337	328,321	455,658	Phòng Kinh tế; Thống kê cơ sở Vĩnh Phong
4.1	Nguồn vốn khu vực nhà nước	Tỷ đồng	420.000	455.658	99.915	113.915	213.830	127,123	127,337	328,321	455,658	
4.2	Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước (doanh nghiệp ngoài nhà nước; hộ dân cư,...)	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4.3	Nguồn vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn xã (GDP)	%	4.44	10.20	5.74	4.10	4.92	3.40	8.32	1.88	10.20	Phòng Kinh tế;

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Năm 2026								Đơn vị chủ trì
				Kế hoạch năm 2026	Mục tiêu Quý I	Mục tiêu Quý II	Mục tiêu 6 tháng đầu năm	Mục tiêu Quý III	Mục tiêu 9 Tháng	Mục tiêu Quý IV	Mục tiêu cả năm	
5.1	Nông, Lâm, Thủy sản	%	2.44	5.61	3.20	2.40	2.80	2.20	5.00	0.61	5.61	Phòng Kinh tế; Trạm kỹ thuật nông nghiệp
5.2	Công nghiệp, Xây dựng	%	0.80	1.84	0.74	0.60	0.67	0.60	1.27	0.57	1.84	
5.3	Thương mại - Dịch vụ	%	1.20	2.75	1.80	1.10	1.45	0.60	2.05	0.70	2.75	
II	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN		3,189.431									Phòng Kinh tế; Trạm kỹ thuật nông nghiệp khu vực Vĩnh Thuận
1	Tổng sản lượng lúa	Tấn	54.104	53,892	43,725	-	43,725	10,167	53,892	-	53,892	
	Sản lượng lúa chất lượng cao	Tấn	31,894	36,760	36,589	-	36,589	1,135	37,724	-	37,724	
	Tỷ lệ lúa chất lượng cao	%	58.95	68.21	83.68		83.68	60.60	70.00	-	70.00	
2	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	10,182	10,000	1,500	5,000	6,500	3,000	9,500	500	10,000	
2.1	Sản lượng khai thác	Tấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	10,182	10,000	1,500	5,000	6,500	3,000	9,500	500	10,000	
	- Tôm nuôi	Tấn	5,234	4,700	700	2,200	2,900	1,700	4,600	100	4,700	
	- Cá, cua các loại	Tấn	4,948	5,300	800	2,800	3,600	1,300	4,900	400	5,300	
	- Nuôi biển	Tấn										
3	Chăn nuôi											
3.1	Tổng đàn trâu	Con	33	33	30	32	32	35	35	35	35	
3.2	Tổng đàn bò	Con	64	58	58	60	60	62	62	62	62	
3.3	Tổng đàn heo	Con	2,017	2,038	2,038	2,050	2,050	2,060	2,060	2,075	2,075	
3.4	Tổng đàn gia cầm	Nghìn Con	10,360	10,300	10,360	1,402	1,402	10,470	10,470	10,690	10,690	
III	CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ											
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	1.008.340	1.168.272	450.481	250.482	700.963	9.872	710.835	457.437	1.168.272	Phòng Kinh tế; Thống kê cơ sở Vĩnh Phong
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	%	100.00	100.00	38,56	21.44	59.99	0.85	60.84	39.15	100.00	